

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 138/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/12/2021

V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Hồng Trang**.
2. Ông **Nguyễn Kim Huy Bằng**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phước** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Anh **Trần Minh Cường** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 174/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐST – HN ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1968. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: A, Khu phố H, Phường M, TP M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 11/03/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:**

Bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn H tự nguyện sống chung vào năm 1995 không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2017 có mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống về nhiều mặt ông H thường hay say xỉn về đánh đập bạo hành, ngược đãi bà. Ông bà đã tự ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh năm 1997 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn H, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn ông Lê Văn H dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn H là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh năm 1997 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị P trình bày bà P và ông Lê Văn H không có tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P là tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn ông Lê Văn H cư trú tại A, Khu phố H, Phường M, TP M, tỉnh Tiền Giang

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt không có lý do tại phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn H tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay bà Nguyễn Thị P yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn H. Lý do ông H thường hay say xỉn về đánh đập bạo hành, ngược đãi bà dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống về nhiều mặt, không hàn gắn được, do vậy cuộc sống hôn nhân không đạt được. Ông bà đã tự ly thân từ năm 2017 cho đến nay

Xét thấy, bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn H sống chung như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội khóa X, khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “....Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “....Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Do đó, cần tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh năm 1997 đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị P trình bày bà và ông Lê Văn H không có tài sản chung và nợ chung. Ông Lê Văn H không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nợ chung của ông bà. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 7 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: 1. Tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị P và ông Lê Văn H là vợ chồng

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Văn H, sinh năm 1997 đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị P trình bày bà và ông Lê Văn H không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí thành án phí hôn nhân sơ thẩm (theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004913 ngày 05 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang).

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M, Tiền Giang;

- Chi cục THADS. TP M, Tiền Giang;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo